

**PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN BỊ THU HỒI PHÙ HIỆU**  
**(Thời gian từ ngày 01/5/2025 đến ngày 31/5/2025)**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-SXD ngày /6/2025 của Sở Xây dựng Bình Định)*

| STT | Đơn vị vận tải               | Biển kiểm soát | Số phù hiệu  | Loại phù hiệu | Ngày cấp   | Ngày hết hạn |
|-----|------------------------------|----------------|--------------|---------------|------------|--------------|
| 1   | HTX VT DL Tân Trường Phát    | 77A-134.54     | HD5225000775 | Xe Hợp đồng   | 08/04/2025 | 08/04/2026   |
| 2   | HTX VT Công nghệ Quý Nhơn    | 77E-007.16     | HD5224000957 | Xe Hợp đồng   | 03/07/2024 | 28/06/2025   |
| 3   | HTX VT Công nghệ Quý Nhơn    | 77E-004.40     | HD5224001316 | Xe Hợp đồng   | 11/09/2024 | 11/09/2025   |
| 4   | HTX VT ASIA Quý Nhơn         | 77E-002.86     | HD5225000629 | Xe Hợp đồng   | 19/03/2025 | 18/03/2026   |
| 5   | HTX DV VT Thủy bộ Miền Trung | 77H-019.01     | XT5224000127 | Xe tải        | 22/01/2024 | 22/01/2027   |
| 6   | Công ty TNHH DL&VT Phú Gia   | 77C-199.20     | XT5225000784 | Xe tải        | 05/05/2025 | 05/05/2026   |
| 7   | Công ty TNHH Đình Phát       | 77H-030.31     | XT5222000164 | Xe tải        | 22/02/2022 | 22/02/2027   |
| 8   | Công ty TNHH Đình Phát       | 77C-174.20     | XT5223000301 | Xe tải        | 13/02/2023 | 13/02/2028   |
| 9   | Công ty TNHH Đình Phát       | 77C-174.82     | XT5223000300 | Xe tải        | 13/02/2023 | 13/02/2028   |
| 10  | Công ty TNHH Đình Phát       | 77C-176.77     | XT5223000302 | Xe tải        | 13/02/2023 | 13/02/2028   |
| 11  | Công ty TNHH Đình Phát       | 77C-176.95     | XT5223000299 | Xe tải        | 13/02/2023 | 13/02/2028   |
| 12  | Công ty TNHH Đình Phát       | 77C-188.24     | XT5223000303 | Xe tải        | 13/02/2023 | 13/02/2028   |
| 13  | Công ty TNHH Đình Phát       | 77C-188.98     | XT5223000304 | Xe tải        | 13/02/2023 | 13/02/2028   |